

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/DS-ST
Ngày: 07 - 5 - 2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tân.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Thuận;
Ông Ngô Văn Nghị.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phước - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Dương Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1957 (có mặt);
Địa chỉ: Đội 1, thôn Vân Tường, xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt);
Địa chỉ: Đội M, thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/02/2021 (Tòa án nhận ngày 26/02/2021) và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày:

Bà và bà C là chỗ quen biết do hai người thường hay đi chùa nên quen thân với nhau. Do đó bà C có vay tiền của bà nhiều lần, cụ thể;

- Ngày 06/01/2016 âm lịch: 6.000.000đồng, lãi suất 5%/tháng;
- Ngày 11/3/2016 âm lịch: 4.000.000đồng, lãi suất 5%/tháng;
- Ngày 04/5/2016 âm lịch: 5.000.000đồng, lãi suất 5%/tháng;

- Ngày 12/5/2016 âm lịch: 5.000.000đồng, lãi suất 5%/tháng;
- Ngày 16/5/2016 âm lịch: 3.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng.

Tổng số tiền trên là 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*). Trong các lần bà C vay tiền, bà ghi số tiền vay và ghi số 5 (tức là lãi suất 5%/tháng), ghi số 4 (tức là lãi suất 4%/tháng), và bà C đều ký tên trong các lần vay.

Sau khi vay, bà C 05 lần trả lãi cho bà với số tiền 7.000.000 đồng, sau đó không trả lãi nữa. Trong việc vay tiền, hai bên không thỏa thuận về thời gian trả nợ nhưng khi bà cần tiền để trả nợ cho người khác (vì bà vay tiền của người khác cho bà C vay lại), bà yêu cầu nhiều lần nhưng bà C không trả. Bà C trực tiếp vay tiền, hơn nữa bà C không có chồng, do đó bà yêu cầu bà C có nghĩa vụ trả một lần cho bà nợ gốc số tiền 23.000.000 đồng và tính lãi suất từ ngày 01/01/2017 cho đến nay với lãi suất 10%/ năm theo quy định của pháp luật. Việc bà C khai đã trả cho bà 16.540.000 đồng là không đúng cũng như việc yêu cầu được trả nợ dần cho bà thì bà không đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị C trình bày:

Bà thừa nhận có vay tiền của bà Trần Thị Tám các lần sau:

- Ngày 06/01/2016 âm lịch: 6.000.000đồng;
- Ngày 11/3/2016 âm lịch: 4.000.000đồng;
- Ngày 04/5/2016 âm lịch: 5.000.000đồng;
- Ngày 12/5/2016 âm lịch: 5.000.000đồng;
- Ngày 16/5/2016 âm lịch: 3.000.000đồng.

Tổng số tiền trên là 23.000.000đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*), bà có viết giấy vay tiền đưa bà T giữ. Trong giấy vay tiền hai bên không ghi lãi suất. Sau khi vay tiền bà đã trả cho bà T được 16.540.000 đồng (Trong đó: trả tiền mặt 15.000.000đồng - Trả nhiều lần, mỗi lần trả từ 1.000.000đồng đến 2.000.000đồng; trừ nợ 1.030.000đồng về công nhỏ đậu cho bà T và trừ số tiền 510.000 đồng về việc bà T mua bánh tráng). Việc bà trả nợ cho bà T, không có giấy tờ gì chứng minh. Vậy hiện nay bà còn nợ bà T 6.460.000đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng đến 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả lãi vì điều kiện khó khăn.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự đúng theo quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ các tài liệu thu thập, diễn biến công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468, 469 BLDS đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bà Trần Thị C phải trả cho bà Trần Thị T số tiền gốc là

23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2017 đến khi xét xử ngày 07/5/2021, với số tiền lãi là 9.964.980đ (chín triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi đồng) và phải tiếp tục chịu tiền lãi trên số tiền phải thi hành án kể từ ngày 08/5/2021 cho đến khi thi hành án xong theo lãi suất do pháp luật quy định. Không chấp nhận yêu cầu của bà C là chỉ thừa nhận còn nợ bà T số tiền 6.460.000đ (sáu triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) và xin được trả dần mỗi tháng từ 01-02 triệu đồng cho đến khi hết nợ, không chấp nhận yêu cầu của bà C là không trả lãi vì không có căn cứ và bà T không chấp nhận.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị C phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, số tiền án phí là 1.648.249đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T là loại việc thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Trần Thị C hiện đang cư trú tại Đội M, thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn yêu cầu vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo lời trình bày của các đương sự cũng như các chứng cứ thu thập được, bà Trần Thị T và bà Trần Thị C đều thừa nhận: Bà Trần Thị C 05 lần vay tiền của bà Trần Thị T, tổng là 23.000.000đồng (Hai mươi ba triệu đồng), cụ thể các lần vay: Ngày 13/02/2016 (06/01/2016 âm lịch): 6.000.000đồng; ngày 17/4/2016 (11/3/2016 âm lịch): 4.000.000đồng; ngày 08/6/2016 (04/5/2016 âm lịch): 5.000.000đồng; ngày 16/6/2016 (12/5/2016 âm lịch): 5.000.000đồng; ngày 20/6/2016 (16/5/2016 âm lịch): 3.000.000đồng. Bà C ký tên vào giấy các lần vay tiền, đưa bà T giữ; hai bên không quy định thời gian trả nợ.

[2.2] Xét về lãi suất: Trước khi mở phiên tòa, bà T khai cho bà C vay tiền với lãi suất 0,5%/tháng. Tại phiên Tòa, khai: 04 lần cho bà C vay với lãi suất 5%/tháng, lần sau cùng cho bà C vay là 4%/tháng. Bà T đưa ra chứng cứ: Trong 04 lần vay trước ghi số tiền vay và có ghi số “5”, tức là 5%/tháng; lần vay sau cùng ghi số tiền vay và ghi số “4”, tức là 4%/tháng. Bà T khai thêm: 04 lần vay trước, cứ 1.000.000đ tiền vay thì một tháng bà C trả tiền lãi cho bà 50.000 đồng; lần vay sau cùng cứ 1.000.000đ tiền vay thì một tháng bà C trả tiền lãi cho bà 40.000 đồng. Lời khai của bà T về việc bà C chịu tiền lãi phù hợp với ký hiệu số ghi trong giấy

vay tiền. Như vậy, trong việc vay tiền này hai bên có thỏa thuận về lãi suất: Các lần vay ngày 13/02/2016 (06/01/2016 âm lịch), ngày 17/4/2016 (11/3/2016 âm lịch), ngày 08/6/2016 (04/5/2016 âm lịch), ngày 16/6/2016 (12/5/2016 âm lịch) với lãi suất 5%/ tháng; vay ngày 20/6/2016 (16/5/2016 âm lịch) với lãi suất 4%/tháng.

[2.3] Xét yêu cầu của bà Trần Thị T: Bà T thừa nhận bà C đã trả tiền lãi 7.000.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà C trả một lần số nợ gốc 23.000.000 đồng và phải chịu lãi suất 10%/ năm kể từ ngày 01/01/2017 cho đến nay là phù hợp với pháp luật nên cần được chấp nhận. Tiền lãi được tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 07/5/2021 là 52 tháng 06 ngày: $23.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 52 \text{ tháng} + 23.000.000đ \times 0,027\%/ngày \times 06 \text{ ngày} = 9.964.060 \text{ đồng}$.

[2.4] Tổng cộng tiền gốc và lãi là 32.964.060 đồng, cần buộc bà C có nghĩa vụ trả cho bà T; thực hiện việc trả nợ khi án có hiệu lực pháp luật.

[2.5] Xét yêu cầu của bà C: Việc bà C nại việc vay 23.000.000đ của bà T không phải chịu lãi suất nhưng với chứng cứ nêu trên nên lời nại của bà C không có căn cứ nên không chấp nhận. Việc bà C nại đã trả nợ 16.540.000 đồng, hiện chỉ còn nợ số tiền 6.460.000 đồng nhưng bà T không thừa nhận, bà C không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận. Việc bà C yêu cầu được trả nợ dần nhưng bà T không đồng ý nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

[3.1] Cần buộc bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trong số tiền trả nợ cho bà T ($32.964.060 \text{ đồng} \times 5\% = 1.648.203đ$).

[3.2] Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cần hoàn trả lại cho bà T số tiền 575.000đ (*Năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004445 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T: Buộc bà Trần Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền là 32.964.060 đồng (*Ba mươi hai triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi đồng*) về các khoản nợ vay (Trong đó: Tiền nợ gốc là 23.000.000 đồng; tiền lãi 9.964.060 đồng); thực hiện việc trả nợ khi án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận việc bà C nại việc vay 23.000.000đ của bà T không phải chịu lãi suất, đã trả nợ 16.540.000 đồng, hiện chỉ còn nợ số tiền 6.460.000 đồng và xin được trả nợ dần, vì không có chứng cứ chứng minh, bà T không chấp nhận.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị C phải chịu 1.648.203đ (*Một triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm lẻ ba đồng*).

Hoàn trả cho bà Trần Thị T 575.000đ (*Năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004445 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

** Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thành Tân